

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu năm học 2024 – 2025

(Kèm theo công văn số 1001/ĐHBK-TCHC ngày 18 tháng 3 năm 2024)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	416	4	58	212	130	11	0	0	212	141	62
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
2	Ngành Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
d	Khối ngành IV											
3	Công nghệ sinh học	12	0	0	9	3	0	0	0	6	6	0
đ	Khối ngành V											
4	Công nghệ chế tạo máy	22	0	2	10	9	1	0	0	16	4	2
5	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu	11	0	5	3	2	1	0	0	4	2	5
6	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	13	0	0	8	5	0	0	0	10	3	0
7	Công nghệ thông tin	36	0	2	23	11	0	0	0	22	12	2
8	Công nghệ thực phẩm	15	0	1	10	4	0	0	0	10	4	1
9	Kiến trúc	20	0	1	4	14	1	0	0	15	4	1
10	Kinh tế xây dựng	12	0	1	7	4	0	0	0	4	7	1
11	Kỹ thuật cơ điện tử	13	0	1	8	3	1	0	0	3	9	1

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
12	Kỹ thuật cơ khí	24	2	2	11	9	0	0	0	16	4	4
13	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	10	0	0	6	4	0	0	0	3	7	0
14	Kỹ thuật điện	27	1	4	17	5	0	0	0	11	11	5
15	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	16	0	4	8	3	1	0	0	7	5	4
16	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	19	0	2	14	1	2	0	0	8	9	2
17	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	9	0	2	5	2	0	0	0	4	3	2
18	Kỹ thuật hóa học	12	0	4	7	1	0	0	0	3	5	4
19	Kỹ thuật máy tính	7	0	1	4	2	0	0	0	4	2	1
20	Kỹ thuật môi trường	14	0	3	6	5	0	0	0	7	4	3
21	Kỹ thuật nhiệt	18	0	4	6	6	2	0	0	9	5	4
22	Kỹ thuật tàu thủy	11	0	0	7	3	1	0	0	9	2	0
23	Kỹ thuật xây dựng	40	0	6	20	13	1	0	0	23	11	6
24	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	28	1	9	7	11	0	0	0	7	11	10
25	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	8	0	2	3	3	0	0	0	2	4	2
26	Quản lý công nghiệp	11	0	1	5	5	0	0	0	7	3	1
	Khối ngành VII											
27	Quản lý tài nguyên và môi trường	7	0	1	4	2	0	0	0	2	4	1
28	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ	Tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	Khối ngành IV						
1	Bùi Xuân	Đông	1983	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
2	Nguyễn Hoàng	Minh	1984	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
3	Lê Lý Thùy	Trâm	1980	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
4	Ngô Thái Bích	Vân	1985	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
5	Nguyễn Hoàng Trung	Hiếu	1986	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
6	Nguyễn Thị Minh	Xuân	1985	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
7	Đoàn Thị Hoài	Nam	1983	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ sinh học
8	Phạm Thị Kim	Thảo	1987	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ sinh học
9	Võ Công	Tuấn	1986	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ sinh học
10	Tạ Ngọc	Ly	1983	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
11	Hoàng	Hải	1970	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
12	Đoàn Ngọc Trà	My	1991	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ sinh học
	Khối ngành V						
13	Trần Thị Minh	Hạnh	1985	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
14	Nguyễn Văn	Hiếu	1988	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Tấn	Khôi	1973	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
16	Trương Ngọc	Châu	1973	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
17	Lê Thị Mỹ	Hạnh	1975	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
18	Nguyễn Văn	Hiệu	1982	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
19	Đặng Hoài	Phương	1986	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
20	Ninh Khánh	Duy	1981	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
21	Huỳnh Hữu	Hưng	1975	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
22	Phạm Công	Thắng	1988	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
23	Phạm Minh	Tuấn	1982	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
24	Đặng Thiên	Bình	1983	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
25	Đỗ Thị Tuyết	Hoa	1975	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Thị Minh	Hỷ	1973	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
27	Đoàn Quốc	Khoa	1978	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
28	Tăng Anh	Tuấn	1990	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
29	Huỳnh Trung	Mạnh	1989	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
30	Bùi Thị Thanh	Thanh	1988	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
31	Mai Văn	Hà	1979	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
32	Nguyễn Thế Xuân	Ly	1980	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
33	Nguyễn Văn	Nguyên	1974	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
34	Đặng Duy	Thắng	1986	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
35	Trần Hồ Thủy	Tiên	1973	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
36	Võ Đức	Hoàng	1983	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
37	Nguyễn Chánh	Tú	1965	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
38	Nguyễn Thị Tú	Trinh	1983	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
39	Nguyễn Thị Thu	Trang	1988	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
40	Đào Duy	Tuấn	1985	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
41	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	1991	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
42	Lê Trần	Đức	1989	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
43	Hồ Phan	Hiếu	1979	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
44	Trịnh Công	Duy	1980	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
45	Nguyễn Thị Ngọc	Giao	1991	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
46	Nguyễn Công	Danh	1990	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
47	Lưu Văn	Huy	1998	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thông tin
48	Nguyễn Năng Hùng	Vân	1981	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thông tin
49	Huỳnh Phương	Nam	1978	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
50	Trần Khắc	Vĩ	1981	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
51	Đỗ Thị	Phượng	1983	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
52	Nguyễn Thị Phương	Khuê	1984	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
53	Phan Đức	Tâm	1989	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
54	Nguyễn Tiến	Dũng	1989	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
55	Nguyễn Văn	Quang	1988	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
56	Vũ Hoàng	Trí	1989	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
57	Bạch Quốc	Tiến	1969	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
58	Phạm Văn	Ngọc	1987	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
59	Trần Trung	Việt	1985	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
60	Nguyễn Minh	Hải	1987	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
61	Nguyễn Đức	Tuấn	1995	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng
62	Tào Quang	Bảng	1983	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
63	Lưu Đức	Bình	1980	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
64	Trần Ngọc	Hải	1980	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
65	Nguyễn Phạm Thế	Nhân	1983	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
66	Trần Minh	Sang	1985	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
67	Hoàng Văn	Thạnh	1984	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
68	Trần Văn	Tiến	1977	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
69	Võ Trần	Anh	1988	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
70	Nguyễn Linh	Giang	1983	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
71	Nguyễn Bá	Kiên	1984	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
72	Nguyễn Tấn	Minh	1978	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
73	Phạm Nguyễn Quốc	Huy	1985	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
74	Trần Quang	Khải	1991	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
75	Nguyễn Lê	Minh	1983	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
76	Võ Đình	Trung	1976	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
77	Đặng Xuân	Thủy	1970	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
78	Đinh Đức Hạnh	Hạnh	1991	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
79	Bùi Minh	Hiền	1979	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
80	Đỗ Lê Hưng	Toàn	1988	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
81	Lê Văn	Dương	1992	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ chế tạo máy
82	Phạm Văn	Trung	1985	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ chế tạo máy
83	Nguyễn Thanh	Tùng	1994	Nam		Đại học	Công nghệ chế tạo máy
84	Lê Thị Kim	Oanh	1966	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Quản lý công nghiệp
85	Hồ Dương	Đông	1983	Nam		Thạc sỹ	Quản lý công nghiệp
86	Trần Thị Hoàng	Giang	1987	Nữ		Tiến sỹ	Quản lý công nghiệp
87	Trần Minh	Trí	1996	Nam		Thạc sỹ	Quản lý công nghiệp
88	Nguyễn Đặng Hoàng	Thư	1984	Nữ		Tiến sỹ	Quản lý công nghiệp
89	Huỳnh Nhật	Tổ	1981	Nam		Tiến sỹ	Quản lý công nghiệp
90	Nguyễn Thị	Cúc	1989	Nữ		Thạc sỹ	Quản lý công nghiệp
91	Nguyễn Hồng	Nguyên	1992	Nam		Thạc sỹ	Quản lý công nghiệp
92	Nguyễn Thị Phương	Quyên	1985	Nữ		Tiến sỹ	Quản lý công nghiệp
93	Lê Thị Huỳnh	Anh	1993	Nữ		Tiến sỹ	Quản lý công nghiệp
94	Phạm Lê Minh	Hoàng	1997	Nam		Thạc sỹ	Quản lý công nghiệp
95	Nguyễn Đình	Lâm	1966	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
96	Nguyễn Thanh	Bình	1986	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
97	Trương Hữu	Tri	1973	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
98	Phạm Thị Đoan	Trinh	1981	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
99	Nguyễn Đình Minh	Tuấn	1984	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
100	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	1978	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
101	Phan Thanh	Son	1987	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
102	Lê Ngọc	Trung	1964	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
103	Huỳnh Thị Thanh	Thắng	1968	Nữ		Đại học	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
104	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	1971	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
105	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	1996	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu
106	Ngô Phan Thu	Hương	1986	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
107	Nguyễn Thị Kim	Loan	1985	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
108	Bùi Văn	Ga	1957	Nam	GS	TSKH	Kỹ thuật cơ khí
109	Nguyễn Văn	Quyên	1977	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
110	Nguyễn Ngọc	Tân	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
111	Phạm Ngọc	Quang	1989	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
112	Dương Việt	Dũng	1964	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
113	Phạm Quốc	Thái	1982	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
114	Lưu Đức	Lịch	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
115	Nguyễn Quang	Trung	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
116	Huỳnh Bá	Vang	1977	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
117	Võ Anh	Vũ	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
118	Nguyễn Viết	Thuận	1986	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
119	Nguyễn Võ	Đạo	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
120	Lê Minh	Đức	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
121	Nguyễn Thị Băng	Tuyền	1981	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
122	Hoàng	Thắng	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
123	Võ Như	Tùng	1985	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
124	Huỳnh Tấn	Tiến	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
125	Phan Minh	Đức	1969	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
126	Trần Văn	Nam	1958	Nam	GS	Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ khí
127	Lê Công	Tín	1991	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
128	Thái Thị Ngọc	Hằng	1998	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
129	Trương Lê Hoàn	Vũ	1988	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ khí
130	Lê Hoài	Nam	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
131	Võ Như	Thành	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
132	Đặng Phước	Vinh	1985	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
133	Đỗ Thế	Cần	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
134	Ngô Thanh	Nghị	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
135	Dương Tấn	Quang	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
136	Trần Đình	Sơn	1972	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
137	Trần Phước	Thanh	1984	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
138	Trần Minh	Thông	1982	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
139	Phạm Anh	Đức	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
140	Đinh Quỳnh	Như	1997	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
141	Đoàn Lê	Anh	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ điện tử
142	Nguyễn Đắc Minh	Triết	2001	Nam		Đại học	Kỹ thuật cơ điện tử
143	Thái Ngọc	Sơn	1964	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
144	Trần Thanh	Sơn	1972	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
145	Nguyễn Thành	Văn	1965	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
146	Lê Thị Châu	Duyên	1981	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt
147	Mã Phước	Hoàng	1982	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt
148	Huỳnh Ngọc	Hùng	1974	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
149	Bùi Thị Hương	Lan	1979	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt
150	Đào Ngọc	Cường	1990	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt
151	Nguyễn Quốc	Huy	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
152	Phạm Duy	Vũ	1974	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
153	Trần Thị Mỹ	Linh	1985	Nữ		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
154	Phan Đức	Trọng	1991	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt
155	Ngô Phi	Mạnh	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
156	Nguyễn Đức	Minh	1978	Nam		Đại học	Kỹ thuật nhiệt
157	Võ Chí	Chính	1962	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
158	Hoàng Dương	Hùng	1967	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
159	Phan Quý	Trà	1974	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật nhiệt
160	Nguyễn Thành	Phương	1996	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật nhiệt
161	Trần Văn	Luận	1978	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
162	Lê Minh	Tiến	1980	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
163	Nguyễn Văn	Triều	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
164	Phan Thành	Long	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
165	Bùi Tuấn Việt	Long	1986	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
166	Phạm Trường	Thị	1988	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
167	Nguyễn Tiến	Thừa	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
168	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1988	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
169	Dương Đình	Nghĩa	1988	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
170	Nguyễn Văn	Minh	1989	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật tàu thủy
171	Nguyễn Xuân	Son	1975	Nam		Đại học	Kỹ thuật tàu thủy
172	Lê Kim	Hùng	1957	Nam	GS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
173	Phan Văn	Hiền	1961	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
174	Nguyễn Thị Ái	Nhi	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
175	Võ Quang	Son	1980	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
176	Lưu Ngọc	An	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
177	Phan Đình	Chung	1980	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
178	Lê Đình	Dương	1981	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
179	Trịnh Trung	Hiếu	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
180	Dương Minh	Quân	1984	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
181	Nguyễn Hữu	Hiếu	1981	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
182	Nguyễn Thị	Hà	1987	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
183	Nguyễn Hồ Sĩ	Hùng	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
184	Nguyễn Bình	Nam	1988	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện
185	Nguyễn Văn	Tấn	1978	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
186	Phạm Văn	Kiên	1979	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
187	Lê Hồng	Lâm	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
188	Nguyễn Tùng	Lâm	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
189	Nguyễn Hồng Việt	Phương	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
190	Hoàng Trần	Thế	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
191	Hạ Đình	Trúc	1976	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
192	Khương Thị Út	Thương	1986	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện
193	Trần Anh	Tuấn	1978	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện
194	Đoàn Anh	Tuấn	1977	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
195	Nguyễn Văn	Cà	1985	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện
196	Nguyễn Hữu Lập	Trường	1985	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện
197	Ngô Văn	Dưỡng	1961	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
198	Lê Thành	Bắc	1966	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện
199	Nguyễn Văn	Cường	1965	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
200	Nguyễn Văn	Tuấn	1963	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
201	Lê Hồng	Nam	1976	Nam		Đại học	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
202	Vũ Văn	Thanh	1985	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
203	Nguyễn Quang Như	Quỳnh	1979	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
204	Huỳnh Việt	Thắng	1980	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
205	Nguyễn Duy Nhật	Viễn	1974	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
206	Nguyễn Thị Anh	Thư	1983	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
207	Nguyễn Tấn	Hưng	1980	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
208	Hoàng Lê Uyên	Thục	1971	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
209	Bùi Thị Minh	Tú	1981	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
210	Huỳnh Thanh	Tùng	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
211	Lê Thị Phương	Mai	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
212	Nguyễn Văn	Phòng	1965	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
213	Thái Vũ	Hiền	1981	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
214	Võ Duy	Phúc	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
215	Nguyễn Kim	Ánh	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
216	Nguyễn Quốc	Định	1973	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
217	Trần Thị Minh	Dung	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
218	Nguyễn Lê	Hòa	1979	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
219	Giáp Quang	Huy	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
220	Lê Quốc	Huy	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
221	Nguyễn Hoàng	Mai	1969	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
222	Ngô Đình	Thanh	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
223	Trương Thị Bích	Thanh	1983	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
224	Lê Tiến	Dũng	1981	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
225	Trần Thái Anh	Âu	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
226	Nguyễn Khánh	Quang	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
227	Nguyễn Thị Kim	Trúc	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
228	Nguyễn Quang	Tân	1979	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
229	Nguyễn Quang	Chung	1982	Nam		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
230	Nguyễn Thế	Lực	1974	Nam		Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
231	Đinh Thành	Việt	1970	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
232	Trần Đình Khôi	Quốc	1973	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
233	Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh	1992	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
234	Đoàn Thị Thu	Loan	1971	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
235	Phạm Cẩm	Nam	1966	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
236	Phan Thế	Anh	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
237	Dương Thế	Hy	1974	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
238	Hồ Viết	Thắng	1983	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
239	Phạm Ngọc	Tùng	1977	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
240	Nguyễn Văn	Dũng	1962	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
241	Phan Thị Thúy	Hằng	1974	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
242	Nguyễn Minh	Hoàng	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
243	Dương Thị Hồng	Phấn	1983	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
244	Võ Thị Thu	Hiền	1990	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật hóa học
245	Trịnh Lê	Huyền	1991	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hóa học
246	Lê Phước	Cường	1985	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
247	Trần Văn	Quang	1963	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
248	Lê Năng	Định	1979	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
249	Lê Thị Xuân	Thùy	1981	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
250	Nguyễn Dương Quang	Chánh	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
251	Dương Gia	Đức	1986	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường
252	Mai Thị Thùy	Dương	1985	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường
253	Trần Vũ Chi	Mai	1989	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
254	Nguyễn Lan	Phương	1970	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường
255	Phan Thị Kim	Thủy	1983	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường
256	Hồ Hồng	Quyên	1987	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
257	Lê Hoàng	Sơn	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
258	Phạm Đình	Long	1984	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật môi trường
259	Trần Hà	Quân	1990	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật môi trường
260	Mạc Thị Hà Thanh	Thanh	1978	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
261	Đặng Minh	Nhật	1971	Nam	PGS	Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
262	Nguyễn Thị Trúc	Loan	1984	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
263	Bùi Viết	Cường	1988	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
264	Nguyễn Xuân	Hoàng	1987	Nam		Thạc sỹ	Công nghệ thực phẩm
265	Phạm Thị	Hương	1985	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
266	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	1988	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thực phẩm
267	Nguyễn Thị Đông	Phương	1986	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
268	Nguyễn Trần Phương	Thảo	1981	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
269	Nguyễn Thị Lê	Thoa	1986	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thực phẩm
270	Đào Thị Anh	Thư	1987	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
271	Trần Thị Ánh	Tuyết	1986	Nữ		Thạc sỹ	Công nghệ thực phẩm
272	Nguyễn Thị Lan	Anh	1988	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
273	Tạ Thị Tố	Quyên	1979	Nữ		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
274	Hồ Lê	Hân	1985	Nam		Tiến sỹ	Công nghệ thực phẩm
275	Lê Minh	Sơn	1979	Nam		Tiến sỹ	Kiến trúc
276	Nguyễn Anh	Tuấn	1978	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kiến trúc
277	Nguyễn Hồng	Ngọc	1971	Nam		Tiến sỹ	Kiến trúc
278	Trương Phan Thiên	An	1985	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
279	Nguyễn Ngọc	Bình	1970	Nam		Thạc sỹ	Kiến trúc
280	Lê Trương Di	Hạ	1987	Nữ		Tiến sỹ	Kiến trúc
281	Đoàn Trần	Hiệp	1976	Nam		Thạc sỹ	Kiến trúc
282	Lê Thị Kim	Dung	1982	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
283	Đỗ Hoàng Rong	Ly	1985	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
284	Lê Phong	Nguyên	1984	Nam		Tiến sỹ	Kiến trúc
285	Phan Ánh	Nguyên	1989	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
286	Trần Văn	Tâm	1974	Nam		Thạc sỹ	Kiến trúc

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
287	Nguyễn Xuân	Trung	1980	Nam		Thạc sỹ	Kiến trúc
288	Trương Nguyễn Song	Hạ	1988	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
289	Nguyễn Thị	Hiền	1984	Nữ		Đại học	Kiến trúc
290	Vũ Phan Minh	Trang	1989	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
291	Nguyễn Khánh	Tứ	1982	Nam		Thạc sỹ	Kiến trúc
292	Đặng Ngọc Thảo	Linh	1995	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
293	Dương Hưng	Minh	1993	Nam		Thạc sỹ	Kiến trúc
294	Lê Vũ Thiều	Dương	1997	Nữ		Thạc sỹ	Kiến trúc
295	Đoàn Thụy Kim	Phương	1981	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
296	Đoàn Việt	Long	1986	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
297	Ngô Văn	Dũng	1961	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
298	Nguyễn Quang	Bình	1989	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
299	Nguyễn Thanh	Hải	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
300	Nguyễn Văn	Hướng	1978	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
301	Phan Hồng	Sáng	1965	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
302	Võ Ngọc	Dương	1985	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
303	Cao Văn	Lâm	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
304	Đỗ Minh	Đức	1978	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
305	Hoàng Trọng	Lâm	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
306	Nguyễn Duy	Thảo	1978	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
307	Nguyễn Khánh	Linh	1972	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
308	Nguyễn Thanh	Hào	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
309	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
310	Phan Quang	Vinh	1973	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
311	Trần Thị Phương	Anh	1981	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
312	Vương Lê	Thắng	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
313	Hoàng Phương	Hoa	1963	Nam	GS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
314	Nguyễn Xuân	Toàn	1967	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
315	Châu Trường	Linh	1974	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
316	Võ Duy	Hùng	1986	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
317	Nguyễn Văn	Mỹ	1971	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
318	Đỗ Quang	Trung	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
319	Đỗ Hữu	Đạo	1980	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
320	Nguyễn Hồng	Hải	1975	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
321	Đỗ Việt	Hải	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
322	Hồ Mạnh	Hùng	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
323	Trần Đình	Minh	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
324	Phan Hoàng	Nam	1985	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
325	Nguyễn Hoàng	Vĩnh	1975	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
326	Nguyễn Thu	Hà	1982	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
327	Đoàn Việt	Lê	1985	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
328	Nguyễn Biên	Cương	1969	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
329	Nguyễn Thanh	Cường	1980	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
330	Phạm Ngọc	Đức	1988	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
331	Nguyễn Phước Quý	Duy	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
332	Võ Đức	Hoàng	1971	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
333	Võ Hải	Lăng	1979	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
334	Phạm Ngọc	Phương	1984	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
335	Nguyễn Văn Tê	Rôn	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
336	Trần Thị Thu	Thảo	1983	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
337	Hoàng Phương	Tùng	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
338	Lê Đức	Châu	1980	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
339	Nguyễn	Lan	1970	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
340	Đỗ Anh	Vũ	1995	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
341	Phạm Anh	Đức	1976	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
342	Ngô Ngọc	Tri	1985	Nam		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
343	Trương Quỳnh	Châu	1987	Nữ		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
344	Mai Anh	Đức	1985	Nam		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
345	Đỗ Thanh	Huyền	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
346	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	1988	Nữ		Thạc sỹ	Kinh tế xây dựng
347	Hồ Thị Kiều	Oanh	1985	Nữ		Thạc sỹ	Kinh tế xây dựng
348	Phạm Thị	Trang	1983	Nữ		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
349	Huỳnh Thị Minh	Trúc	1984	Nữ		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
350	Nguyễn Quang	Trung	1982	Nam		Tiến sỹ	Kinh tế xây dựng
351	Trương Ngọc	Sơn	1992	Nam		Thạc sỹ	Kinh tế xây dựng
352	Nguyễn Ngọc	Quang	1997	Nam		Thạc sỹ	Kinh tế xây dựng
353	Huỳnh Đức	Trí	1989	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
354	Trịnh Xuân	Long	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
355	Thái Bá	Chiến	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
356	Nguyễn Công	Hành	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
357	Tôn Nữ Huyền	Trang	1981	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
358	Nguyễn Đình	Sơn	1981	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
359	Nguyễn Văn Thiên	Ân	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
360	Vũ Thị	Hạnh	1981	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
361	Lê	Cung	1958	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
362	Phan Trần Đăng	Khoa	1985	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật máy tính
363	Hồ Phước	Tiến	1981	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật máy tính
364	Ngô Minh	Trí	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật máy tính
365	Võ Tuấn	Minh	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật máy tính
366	Thái Văn	Tiến	1983	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật máy tính
367	Trần Văn	Líc	1991	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật máy tính
368	Văn Phú	Tuấn	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật máy tính
369	Trương Hoài	Chính	1958	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
370	Trần Quang	Hưng	1979	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
371	Nguyễn Văn	Chính	1983	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
372	Lê Anh	Tuấn	1982	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
373	Nguyễn Quang	Tùng	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
374	Phạm	Mỹ	1976	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
375	Đặng Công	Thuật	1981	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
376	Lê Khánh	Toàn	1967	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
377	Mai Chánh	Trung	1970	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
378	Lê Vũ	An	1985	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
379	Lê Bá	Định	1986	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
380	Phan Đình	Hào	1970	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
381	Bùi Quang	Hiếu	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
382	Nguyễn Tấn	Hưng	1966	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
383	Lê Xuân	Quang	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
384	Đinh Thị Như	Thảo	1973	Nữ		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
385	Trịnh Quang	Thịnh	1968	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
386	Lê Cao	Tuấn	1984	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
387	Phan Cẩm	Vân	1982	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
388	Phạm Ngọc	Vinh	1989	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
389	Đinh Ngọc	Hiếu	1988	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
390	Lê Ngọc	Quyết	1986	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
391	Lê Xuân	Dũng	1970	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
392	Nguyễn Thạc	Vũ	1973	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
393	Châu Ngọc	Bảo	1990	Nam		Đại học	Kỹ thuật xây dựng
394	Lê Văn	Thảo	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
395	Nguyễn Chí	Công	1975	Nam	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
396	Nguyễn Ngọc	Hậu	1987	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
397	Phạm Thành	Hưng	1984	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
398	Nguyễn Hoàng	Lâm	1987	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
399	Vũ Thị	Tính	1984	Nữ		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
400	Võ Nguyễn Đức	Phước	1988	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ	Tên	Năm	Giới	Chức	Trình độ	Chuyên ngành
401	Vũ Huy	Công	1983	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
402	Lê	Hùng	1980	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
403	Tô Thúy	Nga	1971	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
404	Nguyễn Công	Luyến	1989	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
405	Phạm Lý	Triều	1989	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
406	Ngô Thanh	Vũ	1990	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
407	Trần Thanh	Bình	1985	Nam		Tiến sỹ	Kỹ thuật xây dựng
408	Nguyễn Thành	Phát	1997	Nam		Thạc sỹ	Kỹ thuật xây dựng
	Khối ngành VII						
409	Trần Thị Minh	Phương	1987	Nữ		Tiến sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường
410	Phạm Thị Kim	Thoa	1981	Nữ	PGS	Tiến sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường
411	Nguyễn Đình	Huân	1972	Nam		Tiến sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường
412	Phan Như	Thúc	1970	Nam		Tiến sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường
413	Hoàng Ngọc	Ân	1984	Nam		Thạc sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường
414	Võ Diệp Ngọc	Khôi	1985	Nam		Thạc sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường
415	Nguyễn Phước Quý	An	1985	Nữ		Tiến sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	x
2	Khối ngành II	x
3	Khối ngành III	x
4	Khối ngành IV	18.62
5	Khối ngành V	19.74
6	Khối ngành VI	x
7	Khối ngành VII	14.46

(Số liệu tính đến thời điểm tháng 3/2024)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG


PGS. TS. Nguyễn Hữu Hiếu